

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

----- * -----

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

Số: [/20 /HĐNT/SBTT

Căn cứ:

- Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015;
- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005;
- Nhu cầu của hai Bên.

Hợp đồng nguyên tắc được ký vào ngày: / /20 , giữa và bởi các Bên:

BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN SÓI BIỂN TRUNG THỰC

Mã số thuế : 0107522785

Địa chỉ : Tầng 3, Lô S5-20 Cụm sản xuất làng nghề Triều Khúc, phường Thanh Liệt, Thành phố Hà Nội.

Tài khoản số : 0611157886688

Tại : Ngân hàng TMCP Quân đội (MB Bank) - Chi nhánh Hoàn Kiếm

Đại diện : Ông Trần Văn Quân Chức vụ: Giám Đốc

(Giấy ủy quyền số: 03/2024/GUQ-SBTT ngày 01/6/2024 của Ông Lê Quang Trà)

(Bên mua hàng).

BÊN B : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM

Mã số thuế : 0309391503

Địa chỉ : 12/14/18 Đường 49, Khu phố 69, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại :

Tài khoản số : 1027349624

Tại : Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đại diện bởi : Ông Nguyễn Bảo Thạch Chức vụ: Phó Giám Đốc

(Giấy ủy quyền số: 201224/2024/UQNT ngày 20/12/2024 của Bà Trần Thị Thơm

)

(Bên bán hàng).

Sau khi thỏa thuận, hai Bên cùng đồng ý ký kết Hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán Hàng hóa thường xuyên với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: HÀNG HÓA, QUY CÁCH, GIÁ CẢ

1.1 Theo các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, Bên B đồng ý cung cấp cho Bên A các sản phẩm do Bên B sản xuất, nhập khẩu, phân phối theo danh mục nêu tại Phụ lục 1 của Hợp đồng này để phân phối lại tại hệ thống Cửa hàng của Bên A và các kênh phân phối khác theo quyết định của Bên A tại từng thời điểm.

Bên B cam kết và đảm bảo rằng, tất cả Hàng hóa do Bên B cung cấp cho Bên A theo Hợp đồng này đáp ứng mọi yêu cầu của pháp luật Việt Nam liên quan đến Hàng hóa, bao gồm nhưng không giới hạn ở (i) nguồn gốc, xuất xứ, (ii) chất lượng, (iii) đóng gói đúng quy cách, (iv) bao bì, ghi nhãn và các loại tem phụ (nếu có), (v) các hồ sơ, giấy chứng nhận, giấy tờ cần có để Hàng hóa được phép lưu hành và (vi) các yêu cầu khác của Bên A tại từng thời điểm. Bên B sẽ cung cấp các tài liệu chứng minh Hàng hóa đáp ứng các yêu cầu trên trong vòng 03 đến 05 ngày kể từ khi Bên A có yêu cầu và trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thay đổi, sửa đổi, bổ sung về bất kỳ nội dung nào liên quan đến các thông tin trong tài liệu đã cung cấp cho Bên A.

1.2 Chất lượng sản phẩm

- a) Ngoài những yêu cầu bắt buộc theo bất kỳ hệ thống tiêu chuẩn chất lượng hiện hành hoặc/và quy định pháp luật áp dụng cho Hàng hóa tại thời điểm mua bán, Bên B đảm bảo cung cấp Hàng hóa cho Bên A với chất lượng theo quy định tại Phụ lục 02 về Tiêu chuẩn hàng hóa, không tồn tại những thành phần ảnh hưởng không tốt đến sức khỏe người sử dụng, đảm bảo ổn định chất lượng như Hàng hóa đã được dùng làm hàng mẫu chào bán tới Bên A và đăng ký công bố với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- b) Đối với Hàng hoá mà theo qui định của pháp luật hoặc thông lệ thương mại có hạn sử dụng và phải dán nhãn ghi rõ thời hạn, thì Bên B phải giao đúng hạn sao cho khoảng thời gian sử dụng còn lại phù hợp với thông lệ thương mại có liên quan với sản phẩm đó. Thời hạn sử dụng của Hàng hóa theo quy định tại Phụ lục 02 về Tiêu chuẩn hàng hóa. Trường hợp Nhà cung cấp không đảm bảo hạn sử dụng được qui định tại hợp đồng này thì chỉ được chấp thuận khi có xác nhận bằng văn bản bởi người có thẩm quyền của Bên A, và Bên B cam kết chịu trách nhiệm đối với lô hàng đó.
- c) Bên B sẽ cung cấp cho Bên A kết quả kiểm tra về đảm bảo sự tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan đến việc sản xuất và phân phối Hàng hóa. Các Bên thống nhất sử dụng kết quả kiểm nghiệm này để đánh giá chất lượng Hàng hóa cũng như mức độ tuân thủ quy trình sản xuất, phân phối Hàng hóa. Việc cung cấp này sẽ được thực hiện không quá 2 lần/năm

1.3 Bao gói, dán nhãn

Hàng hóa được giao tới Bên A được bao gói, dán nhãn theo đúng quy định pháp luật và yêu cầu của Bên A, không chứa chất độc hại, không hư hại/ có dấu hiệu hư hại ảnh hưởng tới cả mẫu mã và chất lượng Bên trong của sản phẩm.

Bất kỳ thông tin nào được cung cấp cùng với Hàng hoá liên quan đến chất lượng, mục đích, hướng dẫn sử dụng và chỉ dẫn vận hành, mô tả hàng, giấy chứng nhận đi kèm hoặc bất kỳ giấy tờ nào khác về Hàng hoá đều phải chính xác, không gây nhầm lẫn và phải đầy đủ về mọi phương diện.

Quy cách đóng gói: Theo quy định tại Phụ lục 02 về Tiêu chuẩn hàng hóa

1.4 Tất cả các nghĩa vụ về thuế, phí và lệ phí liên quan đến Hàng hoá đã được Bên B thực hiện đầy đủ.



- 1.5 Bên B đảm bảo rằng có đầy đủ các giấy phép cần thiết về sản xuất và bán Hàng hoá và có quyền định đoạt Hàng hoá không phụ thuộc và/ hoặc vi phạm quyền sở hữu của bất kỳ Bên thứ ba nào.
- 1.6 Việc Bên B cung cấp Hàng hoá cho Bên A và việc Bên A hoặc khách hàng của Bên A sử dụng Hàng hoá (bán lại/tiêu thụ) không được đưa đến hậu quả là vi phạm quyền sở hữu hoặc sở hữu trí tuệ của các Bên thứ ba.

ĐIỀU 2: CHÀO HÀNG, GIÁ CẢ

- 2.1 Bên B gửi cho Bên A báo giá đối với các hàng hóa của mình ngay khi ký Hợp đồng. Đối với các trường hợp cần thay đổi giá, Bên B cần báo trước bằng văn bản cho Bên A tối thiểu 15 ngày làm việc (không bao gồm ngày nghỉ lễ, thứ 7, chủ nhật)
Bất kỳ bảng thay đổi giá nào phải được Bên A đồng ý bằng văn bản trước khi điều chỉnh. Bên A chỉ thanh toán cho Hàng hóa dựa trên giá hợp lệ được chấp nhận mới nhất. Trường hợp Bên B tự ý thay đổi giá hoặc gửi báo giá không đúng thời gian, Bên A sẽ không chấp nhận thanh toán công nợ theo giá thay đổi mà thanh toán theo báo giá đã chốt trước đó.
Giá bán hàng hóa Bên B áp dụng cho Bên A trên ("**Giá Mua Bên A**") đã bao gồm VAT.
- 2.2 **Giá Mua Bên A** không cao hơn mức giá mà Bên B áp dụng cho bất kỳ hệ thống bán lẻ nào khác trên thị trường Việt Nam (trừ khi có sự khác biệt về **điều kiện giao hàng, khối lượng** cam kết tiêu thụ của mỗi đơn vị Hàng hóa)
Trường hợp Bên B trực tiếp thực hiện hoặc hợp tác với Bên thứ ba bất kỳ để thực hiện các chương trình ưu đãi bán lẻ, bán buôn, bán theo nhóm hoặc bất cứ hình thức bán hàng nào khác mà giá bán của mỗi đơn vị Hàng hóa sau khi trừ đi các ưu đãi sẽ thấp hơn Giá Mua Bên A thì Bên A sẽ được áp dụng Giá Mua Bên A theo mức giá mà Bên B trực tiếp thực hiện hoặc hợp tác với Bên thứ ba trong một khoảng thời gian bằng với khoảng thời gian thực hiện chương trình ưu đãi bán hàng đó.

ĐIỀU 3: ĐẶT HÀNG

- 3.1 Tùy từng thời điểm theo nhu cầu tiêu thụ Hàng hóa, Bên A sẽ gửi Đơn đặt hàng qua các phương tiện điện tử phù hợp: email gửi từ địa chỉ Bên A cung cấp, fax, zalo hoặc được lập bằng văn bản gửi trực tiếp cho Bên B trong đó nêu rõ mã Hàng hóa, số lượng, đơn giá, địa điểm và thời gian giao Hàng hóa ("Đơn đặt hàng").
- 3.2 Bên B xác nhận có khả năng cung ứng bất kỳ Đơn đặt hàng nào của Bên A, theo đó Đơn đặt hàng được coi là tự động được Bên B xác nhận khi Bên B nhận được Đơn đặt hàng. Bên B đảm bảo sẽ giao hàng theo Đơn đặt hàng của Bên A.
- 3.3 Đơn đặt hàng được coi là hợp lệ, và Bên B được coi là nhận được Đơn đặt hàng khi Đơn đặt hàng được gửi tới đầu mối liên hệ của Bên B như được Bên B thông báo cho Bên A bằng văn bản.

ĐIỀU 4: GIAO, NHẬN, BẢO QUẢN HÀNG HÓA

- 4.1 Nếu không có quy định khác đi tại từng Đơn đặt hàng, Hàng hóa sẽ được Bên B giao trong vòng 48 giờ kể từ khi Bên B nhận được Đơn đặt hàng của Bên A đến từng cửa hàng của Bên A hoặc theo lịch giao nhận hai bên thỏa thuận cụ thể cho từng khu vực. Bên B chịu trách nhiệm bốc dỡ Hàng hóa tại địa điểm giao hàng.
- 4.2 Ngoại trừ các Hàng hóa là động vật còn sống, toàn bộ Hàng hóa cần điều kiện bảo quản đặc biệt, Bên B đảm bảo Hàng hóa sẽ được bảo quản theo đúng yêu cầu bảo quản Hàng hóa trong suốt quá trình lưu kho và vận chuyển. Với Hàng hóa có yêu cầu bảo quản nhiệt độ từ 4⁰C trở

39
ÔN
TN
TH.
JN
DIO
iOC
HC

xuống, Bên B phải đảm bảo thiết bị vận chuyển phải được trang bị thiết bị tự ghi nhiệt độ hành trình. Bên A có quyền từ chối nhận Hàng hóa nếu phát hiện Hàng hóa không được bảo quản phù hợp.

- 4.3 Đối với Hàng hóa là động vật còn sống, Bên B đáp ứng các điều kiện vận chuyển phù hợp đảm bảo khi được vận chuyển đến địa điểm nhận hàng, Hàng hóa vẫn hoàn toàn khỏe mạnh.
- 4.4 Bên A có quyền từ chối nhận Hàng hóa khi Bên B vi phạm một trong các trường hợp sau hoặc các Phụ lục điều chỉnh khác kèm theo Hợp đồng.
- Hàng hóa không được bảo quản, vận chuyển đúng theo các điều kiện quy định tại Hợp đồng này.
 - Hàng giao không đúng chủng loại, số lượng, thời gian, địa điểm như đã thỏa thuận trong Hợp đồng, Đơn đặt hàng (bao gồm hàng khuyến mại kèm theo đơn hàng).
 - Hàng hóa giao không đúng chất lượng như đã thỏa thuận trong Hợp đồng, Đơn đặt hàng (bao gồm hàng khuyến mại kèm theo đơn hàng).
 - Với Hàng hóa loại A - đạt chất lượng: Nhập toàn bộ;
 - Với Hàng hóa tạm chấp nhận loại B - tỷ lệ hàng không đạt chất lượng dưới 10%: Nhập phần hàng đạt chất lượng và yêu cầu Bên B lựa lại, Bên A trả lại phần không đạt;
 - Với Hàng hóa loại C - Hàng không đạt trên 10%: Trả toàn bộ lô hàng.
 - Hóa đơn giá trị gia tăng không gửi kèm khi giao hàng hoặc không được gửi trước đó cho Bên A;
 - Các trường hợp Hàng hóa không đáp ứng được quy định của Hợp đồng này
- 4.5 Trong các trường hợp nêu trên, nếu Bên A vẫn quyết định nhận một phần hoặc toàn bộ Hàng hóa, Bên B có trách nhiệm hoàn thành việc khắc phục vi phạm trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận Hàng hóa. Bên A chỉ được xem là đã nhận Hàng hóa và nghĩa vụ thanh toán chỉ phát sinh kể từ khi Bên B hoàn thành việc khắc phục vi phạm nêu trên.
- 4.6 Bên A bố trí nhân viên tiếp nhận Hàng hóa và vận chuyển Hàng hóa từ phương tiện của Bên B vào cửa hàng của Bên A.
- 4.7 Bên A bố trí các điều kiện, phương tiện đủ tiêu chuẩn kỹ thuật để bảo quản Hàng hóa do Bên B cung cấp.
- 4.8 Quyền sở hữu Hàng hóa được chuyển giao cho Bên A kể từ thời điểm đại diện của Bên A ký biên bản nhận Hàng hóa.

ĐIỀU 5: ĐỔI TRẢ HÀNG HÓA

- 5.1 Không phụ thuộc vào các quy định tại Hợp đồng này và phụ lục, trong trường hợp Hàng hóa mà Bên B giao hàng cho Bên A không đáp ứng được yêu cầu về quy cách, nguồn gốc xuất xứ, chất lượng và hồ sơ như quy định tại Hợp đồng này (“Hàng Lỗi”) thì theo yêu cầu của Bên A, Bên B sẽ (i) nhận lại Hàng Lỗi theo giá Bên A đã Mua từ Bên B tại thời điểm gần nhất tính đến thời điểm Bên A trả hàng; và/ hoặc (ii) đổi Hàng Lỗi tại từng địa điểm kinh doanh của Bên A trong vòng 01 (một) ngày với hàng tươi sống và 05 (năm) ngày với các loại Hàng hóa khác kể từ khi Bên A yêu cầu.
- Bất kể quy định trên, trường hợp Bên A phải xử lý/ hủy hàng lỗi do hàng lỗi thuộc loại dễ hư hỏng hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì chi phí xử lý Hàng hóa đó, bao gồm chi phí giám định Hàng hóa nếu có, sẽ do Bên B chịu.
- 5.2 Bên B đồng ý nhận đổi trả Hàng hóa chậm hoặc Hàng hóa sắp hết hạn sử dụng theo thông báo của Bên A theo nguyên tắc sau:

150
3 T
HH
ANH
3 M
H VI
TH
HỒ

- a) Với Hàng hóa sắp hết hạn sử dụng:
- Với Hàng hóa có hạn sử dụng gốc lớn hơn hoặc bằng 1 năm: việc đổi trả chỉ được chấp nhận nếu thời hạn sử dụng còn lại của Hàng hóa không nhỏ hơn 60 ngày.
 - Với Hàng hóa có hạn sử dụng gốc từ 6 tháng trở lên 1 năm: việc đổi trả chỉ được chấp nhận nếu thời hạn sử dụng còn lại không nhỏ hơn 30 ngày.
 - Với Hàng hóa có hạn sử dụng gốc từ 1 đến 6 tháng: việc đổi trả chỉ được chấp nhận nếu hạn sử dụng còn lại không nhỏ hơn 10 ngày trước ngày hết hạn sử dụng.
- b) Với Hàng hóa bán chậm theo đánh giá của Bên A: Sau 30 ngày với hàng tươi sống và 90 ngày với các loại Hàng hóa khác kể từ ngày nhận được lô đầu tiên của mỗi mã Hàng hóa, Bên A có quyền đổi trả Hàng hóa của mã đó theo giá Bên A đã mua từ Bên B tại thời điểm gần nhất tính đến thời điểm Bên A trả hàng.

5.3 Đối với các trường hợp dưới đây, Bên B có nghĩa vụ đổi trả hàng hóa khi có thông báo của Bên A:

- Hàng lỗi, hỏng, bong chân không trong quá trình Bên A bán hàng
- Hàng hư hỏng do lỗi của Bên B về việc không đảm bảo chất lượng, nhiệt độ, quy cách, bảo quản, vận chuyển...
- Hàng giao không đúng theo đơn đặt hàng (số lượng, chất lượng, chủng loại, mặt hàng...)
- Hàng hóa không tuân thủ các quy định của pháp luật
- Hàng cận Hạn sử dụng của sản phẩm được báo trước 1 tháng trước khi hết hạn.

5.4 Đối với các Hàng hóa Bên B dừng kinh doanh, Hàng hóa hai Bên ngưng hợp tác: Bên B có chương trình khuyến mại giải phóng hàng tồn, hết thời gian khuyến mại, Bên B thu hồi toàn bộ hàng tồn kho.

5.5 Ngoài các trường hợp quy định nêu trên khi mở mới bất kỳ mã hàng nào của Bên B trên hệ thống của Bên A, Bên B đồng ý:

Bên A có quyền quyết định chính thức kinh doanh hoặc không kinh doanh mã Hàng hóa mới trong hệ thống của Bên A trong vòng 3 tháng kể từ ngày nhập lô hàng đầu tiên mã hàng mới, và

Nếu Bên A quyết định không kinh doanh mã hàng mới thì Bên A sẽ gửi thông báo bằng văn bản về việc trả hàng cho Bên B, Bên B có trách nhiệm thu hồi toàn bộ lượng hàng tồn kho của mã hàng đó tại các địa điểm mà Bên A chỉ định trong vòng 5 ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Nếu quá thời hạn nêu trên mà Bên B không đến thu hồi thì Hàng hóa được coi là đã trả cho Bên B vào ngày trên thông báo trả hàng, và do đó Bên A có quyền không thanh toán cho số lượng Hàng hóa mà Bên A đã thông báo trả lại nhưng Bên B không đến nhận. Trường hợp Bên A đã thanh toán cho số lượng Hàng hóa trả lại thì Bên B phải hoàn trả lại cho Bên A số tiền tương ứng với số lượng Hàng hóa. Bên A có quyền khấu trừ giá trị Hàng hóa trả lại vào bất kỳ khoản tiền nào mà Bên A phải thanh toán cho Bên B.

ĐIỀU 6: THANH TOÁN

6.1 Thủ tục thanh toán

Thực hiện theo Phụ lục Hợp đồng

6.2 Thông tin xuất hóa đơn

Hóa đơn được xuất theo thông tin của Bên A hoặc Chi nhánh của Bên A cho từng đơn hàng giao tại từng địa điểm giao hàng, phụ thuộc vào đơn hàng giao cho Bên A hay Chi nhánh của

Bên A. Các đơn hàng đến hạn thanh toán nhưng hóa đơn VAT không hợp lệ sẽ chuyển sang kỳ thanh toán tiếp theo.

Các Bên đồng ý là Bên A chịu trách nhiệm trả thay tất cả các khoản nợ của các chi nhánh trực thuộc và có quyền quyết định/chi định tài khoản thanh toán cho Bên B là tài khoản của Bên A hoặc tài khoản của các chi nhánh trực thuộc Bên A.

- 6.3** Nếu theo Hợp đồng này hoặc theo bất kỳ Hợp đồng nào khác, có bất kỳ khoản thu nào mà Bên A có thể thu hồi từ Bên B hoặc Bên B phải trả cho Bên A thì khoản tiền tương đương đó được khấu trừ vào khoản công nợ đến hạn của hai Bên, khi có biên bản xác nhận công nợ hoặc xuất hóa đơn đối trừ công nợ đã được hai thống nhất.

Trong trường hợp số tiền mà Bên A phải thanh toán cho Bên B không đủ để cân trừ các khoản tiền mà Bên B phải thanh toán cho Bên A thì Bên B có nghĩa vụ thanh toán phần còn thiếu cho Bên A trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên A.

ĐIỀU 7: BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC

- 7.1** Ngoài các quy định tại Hợp đồng, nếu Hàng hóa không được cung ứng, không đáp ứng được các yêu cầu theo các cam kết trong Hợp đồng này, và/hoặc (ii) gây ảnh hưởng hoặc có khả năng gây ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe người tiêu dùng; và/hoặc (iii) gây ảnh hưởng/ có khả năng gây ảnh hưởng đến hình ảnh, thương hiệu của Bên A dù là hậu quả của bất kỳ hành động, sự bỏ mặc hay sự không thực hiện nào của các nhân viên, người lao động, những người được giao quyền hay các Bên của Bên B, thì Bên A có quyền áp dụng một phần hoặc toàn bộ các biện pháp khắc phục sau:

- a) Từ chối nhận Hàng hóa; và/ hoặc
- b) Tạm dừng thanh toán cho đến khi vi phạm Hợp đồng được giải quyết; và/ hoặc
- c) Đơn phương chấm dứt Hợp đồng không cần báo trước và không phải bồi thường cho Bên B bất kỳ khoản tiền nào; và/ hoặc
- d) Yêu cầu Bên B bằng chi phí của Bên B hợp tác với Bên A để thực hiện ngay các hành động điều tra, khắc phục và phòng ngừa khi Hàng hóa không tuân thủ đầy đủ các quy định của Hợp đồng và pháp luật, khi có khiếu nại của khách hàng về Hàng hóa ...; và/ hoặc
- e) Yêu cầu Bên B bằng chi phí của Bên B khắc phục hậu quả, thu hồi Hàng Lỗi, công khai xin lỗi sai phạm của Bên B, bao gồm nhưng không giới hạn ở nếu Bên thứ ba (người dùng cuối, khách hàng hoặc bất kỳ Bên nào có liên quan) bị thiệt hại do Hàng hoá được cung cấp không đảm bảo quy chuẩn thì Bên B chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Bên thứ ba và/hoặc hoàn trả cho Bên A các chi phí mà Bên A đã trả trước cho người bị thiệt hại do lỗi của Bên B, hoặc những khoản tiền tương ứng được đối trừ ngay vào công nợ đến hạn thanh toán của Bên B. Trong trường hợp này, Hàng hoá đã được các khách hàng trả lại Bên A, thì Bên B cam kết sẽ chấp nhận Hàng hoá được trả lại đó. Quyền của Bên A trả lại Hàng hoá cho Bên B sẽ không phụ thuộc vào tình trạng Hàng hoá được đóng gói ban đầu; và/ hoặc
- f) Trường hợp hành vi sai phạm của Bên B gây thiệt hại cho Bên A thì phải bồi thường cho Bên A toàn bộ thiệt hại phát sinh, bao gồm cả tổn thất về uy tín bất kể thiệt hại hoặc tổn thất đó là do Bên B hoặc bất kỳ người nào mà Bên B chịu trách nhiệm quản lý gây ra; và/ hoặc
- g) Phạt Hợp đồng Bên B với mức phạt tương ứng 8% phần giá trị Hợp đồng bị vi phạm; và/ hoặc
- h) Thông báo, cung cấp thông tin cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý hành chính hoặc xử lý hình sự theo quy định của pháp luật.

- 7.2 Khi Bên A, Khách hàng, Cơ quan có thẩm quyền...phát hiện Hàng hoá không tuân thủ đầy đủ các quy định của Hợp đồng và pháp luật thì Bên A sẽ thông báo ngay cho Bên B. Trong vòng 24 giờ, Bên B phải hoàn thiện, bổ sung các thông tin, giấy tờ còn thiếu của sản phẩm. Trong vòng 72 giờ tiếp theo, hai bên nỗ lực giải quyết các khiếu nại, khiếu kiện. Nếu việc giải quyết không đi đến thống nhất thì giải quyết theo Điều 13 của Hợp đồng này.

ĐIỀU 8: RỦI RO VÀ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

- 8.1 Trước thời điểm đại diện giao nhận của Bên A ký biên bản nhận Hàng hóa, mọi rủi ro về Hàng hóa sẽ do Bên B chịu. Sau thời điểm này, các rủi ro về mất mát Hàng hóa sẽ được chuyển giao cho Bên A. Trách nhiệm đảm bảo về chất lượng Hàng hóa của Bên B vẫn được duy trì ngay cả khi đã hoàn thành việc giao hàng cho Bên A khi Bên A đã thực hiện đúng quy định tại khoản 4.7 Điều 4 Hợp đồng.
- 8.2 Bên B sẽ bồi thường và giữ cho Bên A tránh khỏi bất kỳ và tất cả khiếu nại, mất mát, thiệt hại hay trách nhiệm pháp lý bao gồm các lệ phí pháp lý và bất kỳ các chi phí và phí tổn có liên quan nào khác mà Bên A phải gánh chịu do việc Bên B vi phạm bất kỳ Đơn đặt hàng nào và/hoặc Hợp đồng này.
- 8.3 Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản, các Bên sẽ không được chuyển nhượng bất kỳ quyền hoặc nghĩa vụ nào của mình phát sinh từ Hợp đồng này cho bất kỳ doanh nghiệp hoặc cá nhân nào khác. Ngoài ra bất kỳ sự định đoạt nào, bao gồm việc mua các khoản phải thu với giá chiết khấu, cầm cố hoặc chuyển nhượng, bất kỳ lợi ích nào, yêu cầu thanh toán hoặc quyền khác phát sinh từ Hợp đồng này hoặc bất kỳ Hợp đồng nào khác giữa các Bên, kể cả những yêu cầu đòi thanh toán phát sinh từ các Hợp đồng mua bán, thì phải có sự đồng ý trước của Bên kia bằng văn bản.

ĐIỀU 9: BẢO MẬT

- 9.1 Mỗi Bên đồng ý và cam kết với Bên kia rằng, trong thời hạn của Hợp đồng này và sau đó, mỗi Bên sẽ giữ bí mật và không tiết lộ cho bất kỳ Bên thứ ba nào, nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên kia, về bất kỳ thông tin có tính chất bí mật nào, bao gồm bí mật thương mại, kiến thức kỹ thuật, công nghệ, bí quyết, kỹ thuật, thiết kế, công thức, quy trình, phương pháp và bất kỳ thông tin nào khác có giá trị thương mại mà Bên kia tiết lộ cho mình ("Thông Tin Mật"), trừ trường hợp thông tin đó đã được biết một cách rộng rãi, hoặc Bên được tiết lộ đã biết trước khi được cung cấp thông tin, hoặc được biết đến sau đó mà không phải do hành vi vi phạm Hợp đồng này, hoặc sau đó Bên được tiết lộ biết được thông tin này một cách hợp pháp mà không đi kèm với một nghĩa vụ phải bảo mật nào.
- 9.2 Trong chừng mực cần thiết để thực hiện Hợp đồng này, mỗi Bên có thể tiết lộ Thông Tin Mật cho những người lao động của mình ở mức độ cần thiết để hoàn thành nghĩa vụ của người lao động đó, với điều kiện là trước khi tiết lộ thông tin, Bên tiết lộ thông tin phải thông báo cho người lao động của mình về nghĩa vụ bảo mật theo Hợp đồng này và vào mọi thời điểm phải đảm bảo người lao động đó cũng phải tuân thủ nghĩa vụ bảo mật được quy định tại Điều này.

ĐIỀU 10: ĐẠO ĐỨC VÀ MINH BẠCH

Bên A đề cao đạo đức nghề nghiệp và tính minh bạch quan hệ hợp tác. Vì vậy:

- 10.1 Bên B cam kết và đảm bảo rằng người quản lý, nhân viên, người lao động, đại lý hoặc bất kỳ người nào trực tiếp hoặc gián tiếp đại diện, thay mặt cho Bên B hoặc được Bên B chỉ định liên lạc, giao dịch, làm việc với Bên A (gọi chung là "Người Của Bên A") sẽ không:
- a) Hối lộ và/hoặc hứa hẹn đưa các khoản hối lộ, giảm giá, trích thưởng, khoản tiền gây ảnh hưởng hoặc khoản báo đáp bất hợp pháp hoặc bất kỳ các tài sản bằng tiền hoặc hiện vật hoặc

lợi ích nào không phụ thuộc vào giá trị của tài sản hồi lộ (gọi chung là “Hồi Lộ”), cho bất kỳ người quản lý, nhân viên, người lao động hoặc đại diện của Bên A (gọi chung là “Người Của Bên A”) hoặc

- b) Thông qua bất kỳ Bên thứ ba nào để hồi lộ Người Của Bên A nhằm đạt được lợi ích riêng như được ưu tiên ký Hợp đồng với Bên A một cách không minh bạch, được miễn trừ (các) nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng, và /hoặc các lợi ích không minh bạch, không công bằng khác.
- c) Các hành vi Hồi Lộ theo quy định tại điều này sẽ bao gồm cả các hành vi thực hiện trước, trong khi và sau khi thực hiện Hợp đồng.

10.2 Vi phạm đối với Điều khoản Hợp đồng về đạo đức kinh doanh này sẽ dẫn đến việc Bên A áp dụng ngay lập tức các biện pháp: (i) nêu tại khoản 7.1.c Điều 7 Hợp đồng, (ii) không phụ thuộc vào mức độ nghiêm trọng, phạt Bên B tối thiểu 150.000.000 VNĐ (Một trăm năm mươi triệu đồng), (iii) yêu cầu Bên B bồi thường cho Bên A mọi thiệt hại phát sinh do việc chấm dứt Hợp đồng/Thỏa thuận với nguyên nhân này bằng ít nhất 10% tổng doanh số giá trị Hợp đồng của năm xảy ra sự việc tính đến thời điểm xảy ra vi phạm.

10.3 Trong thời gian thực hiện Hợp đồng này, và trong giai đoạn hai (02) năm sau khi kết thúc việc hợp tác, Nhà cung cấp sẽ không tuyển mộ, giữ lại hoặc cam kết, hoặc đưa ra các lời mời có tính chất tương tự, với bất cứ nhân viên hay cán bộ nào của Bên A, nếu không có sự thỏa thuận bằng văn bản trước với Bên A. Vi phạm quy định này sẽ được xử lý bằng chế tài như quy định tại điểm (i), (ii), (iii) khoản 10.2 Điều này.

ĐIỀU 11: TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

11.1 Trường hợp bất khả kháng là những trường hợp phát sinh rủi ro nằm ngoài sự kiểm soát của cả hai Bên, bao gồm nhưng không giới hạn trong những trường hợp sau:

- Chiến tranh hoặc sự phát động chiến tranh, sự xâm lược, hành động mang tính thù địch của nước ngoài, huy động quân đội hoặc cấm vận;
- Bức xạ ion hoá hay nhiễm bản phóng xạ từ bất cứ nhiên liệu hạt nhân nào hay từ bất kỳ sự đốt cháy hạt nhân, đốt cháy nhiên liệu hạt nhân, các chất độc hại, lực phóng xạ hay những nguy cơ từ việc lắp ráp hạt nhân...;
- Các cuộc nổi loạn, cách mạng quân sự, khởi nghĩa, đảo chính hoặc nội chiến;
- Bạo loạn, hỗn loạn hay gây mất trật tự ngoại trừ những trường hợp gây ra bởi nhân viên của mỗi Bên;
- Thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cháy nổ...

11.2 Khi Sự kiện bất khả kháng xảy ra, Bên bị ảnh hưởng bởi Sự kiện bất khả kháng sẽ phải nhanh chóng thông báo cho Bên kia bằng văn bản về việc không thực hiện được nghĩa vụ của mình do Sự kiện bất khả kháng, và sẽ, trong thời gian 03 ngày kể từ ngày xảy ra Sự kiện bất khả kháng, chuyển trực tiếp bằng thư bảo đảm cho Bên kia các bằng chứng về việc xảy ra Sự kiện bất khả kháng và khoảng thời gian xảy ra Sự kiện bất khả kháng đó. Bên thông báo việc thực hiện Hợp đồng của họ trở nên không thể thực hiện được do Sự kiện bất khả kháng có trách nhiệm phải thực hiện mọi nỗ lực để hoặc giảm thiểu ảnh hưởng của Sự kiện bất khả kháng đó. Khi Sự kiện bất khả kháng xảy ra, thì nghĩa vụ của các Bên tạm thời không thực hiện và sẽ ngay lập tức phục hồi lại các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng khi chấm dứt Sự kiện bất khả kháng hoặc khi Sự kiện bất khả kháng chấm dứt.

ĐIỀU 12: THỜI HẠN VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

3936
CÔ
T
ĐT TH
HƯON
DI
NGO
PHC

- 12.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2025.
- 12.2 Hợp đồng sẽ được tự động mỗi năm và giữ nguyên nội dung nếu không bị chấm dứt như quy định tại điều 12.3 dưới đây, thời hạn Hiệu lực sẽ bao gồm cả thời hạn mới được gia hạn.
- 12.3 Hợp đồng có thể chấm dứt trước thời hạn trong các trường hợp sau:
- Các Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng bằng văn bản;
 - Mỗi Bên bị phá sản, giải thể hoặc bị thu hồi giấy phép hoạt động;
 - Một Bên có thể chấm dứt Hợp đồng bằng cách gửi thông báo trước 30 ngày cho Bên còn lại. Hai Bên có nghĩa vụ hoàn tất các nghĩa vụ liên quan đến Hàng hóa và công nợ trong vòng 45 ngày.
 - Các trường hợp khác như quy định của Hợp đồng này.

ĐIỀU 13: LUẬT ÁP DỤNG VÀ GIẢI QUYẾT CÁC TRANH CHẤP

- 13.1 Hợp đồng được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.
- 13.2 Mọi tranh chấp phát sinh từ và/hoặc liên quan đến Hợp đồng này trước tiên sẽ được các Bên giải quyết thông qua thương lượng, đàm phán. Nếu Các Bên không thống nhất được giải pháp giải quyết tranh chấp thì một Bên có quyền đưa tranh chấp ra giải quyết tại trung tâm trọng tài Quốc Tế Việt Nam (VIAC) theo quy tắc tổ tụng của VIAC. Số lượng trọng tài viên là 03 (ba) trong đó mỗi Bên chỉ định 01 (một) trọng tài viên, trọng tài viên thứ ba sẽ do VIAC chỉ định, địa điểm trọng tài tại Hà Nội và ngôn ngữ sử dụng là Tiếng Việt.

ĐIỀU 14: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

- 14.1 Hai Bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng.
- 14.2 Nghĩa vụ và trách nhiệm của Bên B đối với hàng khuyến mại, hàng tặng kèm cũng giống như nghĩa vụ và trách nhiệm của Bên B đối với Hàng hóa cung cấp theo Hợp đồng này.
- 14.3 Mọi thông báo hoặc thông tin trao đổi giữa các Bên phải được lập thành văn bản và gửi cho Bên còn lại theo địa chỉ nêu ở trên, hoặc địa chỉ khác mà mỗi Bên thông báo thay đổi tùy từng thời điểm.
- 14.4 Các Phụ lục Hợp đồng (Thỏa thuận thương mại, Đơn đặt hàng...) đính kèm là những bộ phận không tách rời của Hợp đồng này.
- 14.5 Hợp đồng và các Phụ lục đính kèm chỉ có hiệu lực thay đổi nếu hai Bên thỏa thuận bằng văn bản và được ký kết hợp lệ.
- 14.6 Nếu một hoặc một số điều khoản trong Hợp đồng này vô hiệu sẽ không làm vô hiệu các điều khoản khác trong Hợp đồng.
- 14.7 Hợp đồng này sẽ thay thế cho toàn bộ các Hợp đồng, thỏa thuận dù bằng lời nói hay bằng văn bản đã ký giữa các Bên trước đây. Tuy nhiên, các Bên ghi nhận là doanh số mua Hàng hóa của Bên A hàng từ Bên B từ ngày 01/01 dương lịch của năm ký Hợp đồng đến ngày ký Hợp đồng này sẽ được ghi nhận để tính các khoản thưởng, hỗ trợ và chiết khấu quy định tại Phụ lục các điều khoản thương mại.
- 14.8 Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản gốc tiếng Việt, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau.

Đề ghi nhận những thỏa thuận trong Hợp đồng này, đại diện hợp pháp của các Bên đã ký và chuyển giao Hợp đồng này vào ngày ghi tại phần đầu của Hợp đồng.

ĐẠI DIỆN BÊN A



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

----- * -----

Hà Nội, ngày tháng năm 20

PHỤ LỤC 01

Đính kèm Hợp đồng nguyên tắc Số: []/20 /HĐNT/SBTT

Sau khi bàn bạc, hai Bên cùng nhất trí các điều khoản sau:

ĐIỀU 1. HÀNG HÓA

1. Danh mục hàng hóa

| TT | Hàng hóa | Xuất xứ | Thông tin khác |
|----|----------|---------|----------------|
| | | | |

Chiết khấu, thưởng, hỗ trợ áp dụng theo Điều 2 Phụ lục này.

2. Ngoài các hàng hóa nêu tại khoản 1 Điều này, Bên A có thể nhập thêm các hàng hóa khác của Bên B trong từng thời kỳ mà không cần kí thêm Hợp đồng hoặc phụ lục mới, với các điều khoản như áp dụng với Danh mục hàng hóa nêu tại khoản 1 Điều này nếu hai bên không có thỏa thuận khác. Nếu có thỏa thuận khác hai bên sẽ lập phụ lục kèm Hợp đồng.

3. Phí tạo mã hàng mới:

Phí tạo mã Nhà cung cấp mới: 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng)

Phí tạo mã Hàng hóa / sản phẩm mới: 200.000đ/mã (Hai trăm nghìn đồng mỗi mã)

Các phí tạo mã nêu trên đã bao gồm VAT, cần trừ vào kì công nợ gần nhất.

ĐIỀU 2: CÁC HẠNG MỤC CHIẾT KHẤU, THƯỞNG, HỖ TRỢ

| TT | Hạng mục | % thưởng, chiết khấu, hỗ trợ | Ghi chú |
|----|---|------------------------------|---|
| 1. | Chiết khấu trực tiếp trên đơn hàng | 5% | Chiết khấu trực tiếp trên giá nhập đầu vào của mỗi đơn hàng |
| 2. | Chiết khấu cho đơn hàng của mã hàng (SKU) mới | 10% | Giảm giá áp dụng cho các đơn hàng đầu tiên. Chiết khấu trực tiếp trên giá trị đơn hàng |
| 3. | Chiết khấu thêm cho đơn hàng khai trương cửa hàng mới | 10% | Giảm giá áp dụng cho các đơn hàng đầu tiên. Chiết khấu trực tiếp trên giá trị đơn hàng |
| 4. | Hỗ trợ tiếp thị marketing | 1% | Ngân sách quảng cáo, truyền thông sản phẩm mới, được chiết khấu trên doanh số nhập tháng, cần trừ công nợ cuối tháng. |

VI
AI
U
IOM
CX

| | | | |
|----|--|-----|--|
| 5. | Hợp tác khác (event, thương hiệu, lễ hội...) | 10% | Mỗi năm chạy khuyến mại 4 lần. Thời gian tùy thuộc vào lịch do Bên A phân bổ và được sự thống nhất của Hai Bên |
|----|--|-----|--|

ĐIỀU 3: ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN

1. Phương thức thanh toán

Trừ khoản thưởng thanh toán đúng hạn được tính trên doanh số đã bao gồm giá trị gia tăng. Giá trị chiết khấu, thưởng và các khoản hỗ trợ theo tỷ lệ phần trăm quy định trên đây được tính trên số liệu tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng theo các đơn hàng phát sinh trong kỳ tính khoản hỗ trợ của Bên A do Bên A tổng hợp. Trường hợp có sự khác biệt giữa số liệu của Bên A và Bên B, số liệu của Bên A sẽ được áp dụng. Phần chênh lệch giữa các Bên sắp xếp và điều chỉnh vào giá trị thanh toán của kỳ kế tiếp.

Đối với các khoản hỗ trợ mang tính chất dịch vụ như hỗ trợ marketing, hỗ trợ trưng bày, hỗ trợ tiếp thị, hỗ trợ kiểm tra chất lượng Hàng hóa ..., Bên A sẽ phát hành hóa đơn VAT cho Bên B. Giá trị viết hóa đơn sẽ là giá trị trước VAT nếu tính theo doanh số trước VAT nhân với tỷ lệ Bên A được hưởng và ngược lại.

Bên B đồng ý để Bên A tiến hành cân trừ vào khoản công nợ phải trả cho Bên B các khoản chiết khấu thưởng hỗ trợ nói trên. Trong trường hợp số dư phải trả cho Bên B không đủ cho việc cân trừ, Bên B sẽ thanh toán cho Bên A trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo hoặc hóa đơn VAT từ Bên A.

2. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

3. Thời hạn thanh toán:

Thanh toán ngày 15 hàng tháng cho các đơn hàng phát sinh tháng trước.

Ngày thanh toán nếu trùng ngày nghỉ lễ hoặc thứ 7, chủ nhật sẽ được chuyển sang ngày đi làm tiếp theo của Bên A.

Nếu Trường hợp do lỗi Bên A đối chiếu công nợ chậm dẫn đến thanh toán chậm so với thời hạn quy định Bên A phải chịu:

- Tiền phạt vi phạm tương đương 0,05%/ngày tính trên số tiền chậm thanh toán và số ngày chậm trả.
- Lãi chậm trả (nếu áp dụng) tính theo lãi suất cho vay trung bình ngắn hạn của ngân hàng thương mại nơi Bên B mở tài khoản, tại thời điểm phát sinh vi phạm.

Tổng mức phạt vi phạm và lãi chậm trả (nếu có) không vượt quá 8% giá trị nghĩa vụ thanh toán bị vi phạm, theo quy định tại Điều 301 Luật Thương mại 2005. Đồng thời Bên B có quyền tạm ngừng thực hiện các nghĩa vụ của mình cho đến khi Bên A hoàn tất thanh toán và các khoản phạt nêu trên.

4. Đối chiếu công nợ

Thời gian Bên B phải gửi cho Bên A đối chiếu công nợ: Trong vòng 02 ngày kể từ ngày kết thúc mỗi kỳ thanh toán.

Thời gian Bên A phải xác nhận đối chiếu công nợ với Bên B: Trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo từ Bên B. Nếu sau thời gian nêu trên mà Bên B chưa nhận được phải hồi bằng văn bản của đại diện có đủ thẩm quyền của Bên A hoặc bằng email đã được 02 bên cung cấp và thống nhất, thì mặc định biên bản xác nhận công nợ mà bên B đã gửi là đúng.

Thời gian Bên B phải gửi cho Bên A hồ sơ thanh toán: Trong vòng 03 đến 05 ngày kể từ ngày nhận được xác nhận đối chiếu công nợ từ Bên A.

5. Hồ sơ thanh toán

Hồ sơ thanh toán gồm: (i) Hóa đơn hợp lệ, (ii) các chứng từ giao nhận Hàng hóa có xác nhận của người giao và người nhận giữa Các Bên (Chứng từ giao nhận là Đơn đặt hàng hay chứng từ nào), (iii) Biên bản đối chiếu công nợ có xác nhận của đại diện đủ thẩm quyền của các Bên hoặc email xác nhận công nợ đã được 02 bên thống nhất, (iv) đề nghị thanh toán của Bên B và các chứng từ khác nếu có theo quy định của từng loại hàng hóa cụ thể.

Hai Bên phải nỗ lực tốt nhất trong khả năng của mình để thực hiện việc đối chiếu công nợ, đảm bảo việc đối chiếu công nợ được hoàn thành và Bên A nhận đúng, đủ bộ hồ sơ thanh toán hợp lệ trước ít nhất 5 ngày làm việc trước ngày thanh toán.

Việc Bên A thanh toán muộn hơn ngày quy định sẽ không được coi là thanh toán chậm nếu do lỗi của Bên B không thực hiện/ thực hiện không đúng quy định tại điều này hoặc do các nguyên nhân bất khả kháng. Thời gian thanh toán của Bên A sẽ được lùi tương ứng với số ngày Bên A chậm nhận được đúng, đủ bộ hồ sơ thanh toán hợp lệ từ Bên B và vẫn được coi là thanh toán đúng hạn.

ĐIỀU 4: CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

1. Phụ lục này có hiệu lực và là một phần không tách rời của Hợp đồng tới khi có Phụ lục thay thế hoặc khi hết hạn Hợp đồng.
2. Trường hợp có sự mâu thuẫn giữa Hợp đồng và Phụ lục này các quy định trong Phụ lục sẽ được ưu tiên áp dụng. Các nội dung khác có Hợp đồng không được đề cập đến trong Phụ lục này vẫn giữ nguyên hiệu lực và không thay đổi.
3. Phụ lục này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 04 (bốn) bản tiếng Việt, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Nguyễn Bảo Chạch



- a. Vi phạm lần 1: Phạt 1.000.000 đồng.
- b. Vi phạm lần 2: Phạt 2.000.000 đồng.
- c. Vi phạm lần 3 trở lên: Phạt 3.000.000 đồng.

Số lần vi phạm được tính trong năm thực hiện hợp đồng

3.2. Phạt vi phạm do Bên B vi phạm Nội quy an toàn vệ sinh thực phẩm

Trường hợp Hàng hóa của Bên B không đạt tiêu chuẩn về An toàn vệ sinh thực phẩm thì Bên B sẽ bị xử phạt như sau:

- a. Trường hợp kết quả kiểm nghiệm Hàng hóa thể hiện các chỉ tiêu an toàn thực phẩm vượt ngưỡng tối đa cho phép (các chỉ tiêu vi sinh, kim loại nặng, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất kháng sinh có quy định ngưỡng dư tối đa cho phép...)

- **Vi phạm lần 1**

- Bên A thông báo với Bên B và yêu cầu Bên B áp dụng biện pháp tăng cường kiểm soát chất lượng Hàng hóa.
- Phạt vi phạm 1.000.000 đồng/Hàng hóa (Một triệu đồng trên một hàng hóa vi phạm) đối với Hàng hóa vi phạm.
- Bên B thu hồi Hàng hóa không đạt trong cùng lô sản xuất/ ngày nhập Hàng hóa trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A (nếu vẫn còn hàng tại cửa hàng Bên A)

- **Vi phạm lần 2**

- Bên A thông báo với Bên B và ngừng nhập Hàng hóa.
- Bên B thu hồi Hàng hóa không đạt trong cùng lô sản xuất/ ngày nhập Hàng hóa trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A (nếu vẫn còn hàng tại Cửa hàng Bên A)
- Phạt vi phạm 2.000.000 đồng/Hàng hóa (Hai triệu đồng trên một Hàng hóa) đối với Hàng hóa vi phạm.
- Bộ phận Quản lý Chất lượng của Bên A sẽ hợp tác với Bên B để xác định nguyên nhân.
- Bên B có Công văn giải trình, nêu rõ biện pháp khắc phục.
- Hàng hóa chỉ được Bên A mở mua trở lại sau khi Bên A nhận được phiếu kiểm nghiệm mới nhất đạt yêu cầu đối với chỉ tiêu vi phạm của Hàng hóa kèm theo Báo cáo và thực tế Bên B đảm bảo các biện pháp khắc phục đã được thực hiện toàn bộ theo đúng yêu cầu.

- b. Trường hợp Hàng hóa của Bên B thuộc một trong các trường hợp sau:

- Có kết quả kiểm nghiệm Hàng hóa thể hiện có các hóa chất, kháng sinh cấm hoặc không được phép sử dụng;
- Cảm quan hàng hóa có mùi, vị bất thường (ôi, thiu, sản phẩm không thuộc loại lên men nhưng có mùi lên men...), có dị vật, sinh vật lạ trong Hàng hóa hoặc các dấu hiệu bất thường có thể quan sát, cảm nhận được bằng các giác quan.

Thì áp dụng hình thức mức phạt như sau:

- **Vi phạm lần 1**

- Bên A tạm ngừng mua Hàng hóa vi phạm và Bên B thu hồi Hàng hóa không đạt trong cùng lô sản xuất/ ngày nhập Hàng hóa trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo Bên A (nếu vẫn còn hàng tại cửa hàng Bên A)
- Phạt vi phạm 1.000.000 đồng/ Hàng hóa (Một triệu đồng trên một Hàng hóa) vi phạm.

- Hàng hóa được Bên A mở mua trở lại sau khi Bên A nhận được báo cáo giải trình kết quả kiểm tra nguyên nhân, thiết lập và áp dụng biện pháp khắc phục để ngăn chặn tái diễn vi phạm kèm theo phiếu kiểm nghiệm đạt yêu cầu với chỉ tiêu vi phạm của Hàng hóa.

- **Vi phạm lần 2**

- Bên A đóng mã Hàng hóa vi phạm kể từ ngày Bên A gửi thông báo vi phạm lần 2 cho Bên B bằng văn bản hoặc email và Bên B thu hồi Hàng hóa không đạt trong lô sản xuất/ngày nhập Hàng hóa trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A (nếu vẫn còn hàng tại cửa hàng Bên A)
- Phạt vi phạm 3.000.000 đồng/ Hàng hóa (Ba triệu đồng trên một Hàng hóa) vi phạm.
- Mã hàng được mở lại sau khi Bên A nhận được Báo cáo giải trình kết quả kiểm tra nguyên nhân, thiết lập và áp dụng biện pháp khắc phục để ngăn chặn tái diễn vi phạm kèm theo Phiếu kiểm nghiệm đạt yêu cầu đối với chỉ tiêu vi phạm của Hàng hóa.

3.3. Bồi thường thiệt hại

Trong quá trình thực hiện việc giao nhận Hàng hóa và/ hoặc kinh doanh Hàng hóa, nếu Nhân viên giao hàng của Bên B và/ hoặc Hàng hóa của Bên B gây thiệt hại cho Bên A hoặc Khách Hàng, Bên B có trách nhiệm phải bồi thường 100% các thiệt hại phát sinh trên cơ sở Biên bản vi phạm có chữ ký xác nhận của Nhân viên giao hàng Vi phạm/Bên B

3.4. Việc nộp phạt và thanh toán tiền bồi thường thiệt hại

Số tiền phạt vi phạm hoặc số tiền bồi thường cho các tổn thất vật chất sẽ được căn trừ vào công nợ của Bên A đối với Bên B. Trong trường hợp số dư phải trả cho Bên B không đủ cho việc căn trừ nêu trên, Bên B phải thanh toán cho Bên A phần còn thiếu trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên A.

ĐIỀU 3: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Phụ lục này có hiệu lực và là một phần không tách rời của Hợp đồng kể từ ngày ký.
2. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa Hợp đồng và Phụ lục này, các quy định trong Phụ lục này sẽ được ưu tiên áp dụng.
3. Các nội dung khác của Hợp đồng không được đề cập đến trong Phụ lục này vẫn giữ nguyên hiệu lực và không thay đổi.
4. Phụ lục này được thành lập 04 (bốn) bản tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 (hai) có giá trị pháp lý như nhau để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Nguyễn Bảo Chạch